

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẠ LONG
TỈNH QUẢNG NINH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 29/2025/DS-ST

Ngày: 23/06/2025

“V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẠ LONG, TỈNH QUẢNG NINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Thủy

- Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trần Thị Kim Nhung
2. Bà Phạm Thị Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: Trương Thị Khánh Ly - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 6 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 343/2024/TLST-DS về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2025/QĐXXST-DS ngày 28/3/2025; các Quyết định hoãn phiên tòa số 71/2025/QĐST-DS ngày 23/4/2025, số 96/2025/QĐST-DS ngày 23/5/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần C (V1); địa chỉ: số A đường T, phường C, quận H, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: ông Trần Bình M, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Lương Bích H - Phó Giám đốc; ông Vũ Đức T - Phó phòng tổng hợp Ngân hàng TMCP C - Chi nhánh Q; địa chỉ: đường B, phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh (theo Văn bản ủy quyền số 95/UQ-CNQNH-TH ngày 10/3/2025 của Giám đốc Ngân hàng TMCP C - Chi nhánh Q), có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn:

1. Anh Nguyễn Quang K, sinh năm 1990; nơi thường trú: tổ H, khu T, phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh; nơi ở hiện tại: khu T, phường H, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt.

2. Chị Nguyễn Thị Thùy T1, sinh năm 2000; nơi thường trú: khu Y, phường Đ, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh; nơi ở hiện tại: khu T, phường H, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Văn K1, sinh năm 1962; Nơi thường trú: khu T, phường H,

thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh; nơi ở: ô số C, lô TT7 khu biệt thự khách sạn phía Tây cầu B, phường B, TP ., tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt.

2. Bà Đặng Thị V, sinh năm 1965; Nơi thường trú: khu T, phường H, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh; nơi ở: ô số C, lô TT7 khu biệt thự khách sạn phía Tây cầu B, phường B, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của anh Nguyễn Quang K, chị Nguyễn Thị Thùy T1 và ông Nguyễn Văn K1, bà Đặng Thị V là anh Nguyễn Quốc K2; sinh năm 1985; CCCD số 022085001328 do Cục C1 về TTXH cấp ngày 08/9/2022; nơi cư trú: tổ B, khu D, phường B, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh. (theo Hợp đồng ủy quyền ngày 14/11/2024 số công chứng 3995, quyền số 06/2024 TP/CC-SCC/HĐGD và 3998/2024, TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng C2), có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung, tại bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng thương mại cổ phần C (V1) trình bày:

Anh Nguyễn Quang K và chị Nguyễn Thị Thùy T1 là khách hàng có quan hệ tín dụng với Ngân hàng thương mại cổ phần C theo các Hợp đồng tín dụng đã ký với V1 - Chi nhánh Q, cụ thể như sau:

*Ngày 24/05/2021 V1 - Chi nhánh Q ký Hợp đồng cho vay số 20.05/2021-HĐCV/NHCT300 với anh Nguyễn Quang K ký với nội dung: số tiền vay 4.000.000.000 đ (bốn tỷ đồng); mục đích vay vốn: hoàn thiện nhà ở cho bố mẹ tại khu biệt thự khách sạn phía T cầu B, phường B, TP H, Quảng Ninh. Thời hạn cho vay: 120 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân khoản nợ đầu tiên.

Cùng ngày V1 - Chi nhánh Q đã giải ngân cho anh Nguyễn Quang K số tiền 4.000.000.000 đồng (bốn tỷ đồng) theo giấy nhận nợ số 01 ngày 24/5/2021; thời hạn vay 120 tháng; gốc và lãi trả hàng tháng vào ngày 10, ngày trả gốc lãi đầu tiên là ngày 10/06/2021, lãi suất ưu đãi 8,1%/năm, thời hạn ưu đãi đến hết ngày 23/05/2022. Lãi suất sau khi hết hạn ưu đãi sẽ điều chỉnh theo lãi suất thông thường theo quy định của V1 trong từng thời kỳ.

*Ngày 31/12/2021 V1 - Chi nhánh Q và anh Nguyễn Quang K ký Hợp đồng cho vay số 50/2021-HĐCV/NHCT30036 số tiền vay 4.200.000.000 đồng (bốn tỷ hai trăm triệu đồng). Mục đích vay vốn: cho vay mua sắm đồ dùng gia đình, ứng vốn huy động khác để thanh toán chi phí sửa nhà biệt thự khách sạn phía T cầu B, phường B, TP H, Quảng Ninh; thời hạn cho vay 120 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân khoản nợ đầu tiên.

Cùng ngày V1 - Chi nhánh Q đã giải ngân cho anh Nguyễn Quang K số tiền 4.200.000.000 đồng theo giấy nhận nợ số 01 ngày 31/12/2021, với nội dung: thời hạn vay 120 tháng; gốc và lãi trả hàng tháng vào ngày 10, ngày trả gốc lãi đầu tiên là ngày 10/01/2022, lãi suất ưu đãi 9%/năm, thời hạn ưu đãi đến hết ngày

30/12/2022. Lãi suất sau khi hết hạn ưu đãi sẽ điều chỉnh theo lãi suất thông thường theo quy định của V1 trong từng thời kỳ.

3. Ngày 23/12/2022 anh Nguyễn Quang K cùng vợ là chị Nguyễn Thị Thùy T1 ký hợp đồng cho vay số 246/2022-HĐCV/NHCT30036 ngày 23/12/2022 với V1 - chi nhánh Q với nội dung: Số tiền vay: 550.000.000 đồng (*Năm trăm năm mươi triệu đồng*); Mục đích vay vốn: thanh toán chi phí mua xe ô tô. Thời hạn cho vay: 48 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân khoản nợ đầu tiên.

V1 - Chi nhánh Q đã giải ngân toàn bộ số tiền vay 550.000.000đ theo Giấy nhận nợ số 01 ngày 06/01/2023, thỏa thuận: thời hạn vay 48 tháng; gốc và lãi trả hàng tháng vào ngày 10, ngày trả gốc lãi đầu tiên là ngày 25/01/2023, lãi suất áp dụng 13%/năm, lãi suất sẽ được điều chỉnh vào ngày 22 hàng tháng khi có thay đổi theo quy định của V1 trong từng thời kỳ.

4. Ngày 07/02/2023 anh Nguyễn Quang K và chị Nguyễn Thị Thùy T1 ký hợp đồng cho vay số 34/2023-HĐCV/NHCT30036 ngày 07/02/2023 với V1 - chi nhánh Q nội dung cụ thể như sau: Số tiền vay: 4.000.000.000 đồng (*Bốn tỷ đồng*). Mục đích vay vốn: thanh toán chi phí sửa chữa, cải tạo, nâng cấp nhà ở tại khu T, phường H, thị xã Đ, Quảng Ninh. Thời hạn cho vay: 240 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân khoản nợ đầu tiên.

V1 - Chi nhánh Q đã giải ngân số tiền 4.000.000.000 đồng trên cho anh K, chị T1 theo giấy nhận nợ số 01 ngày 08/2/2023, thời hạn vay 240 tháng; gốc và lãi trả hàng tháng vào ngày 10, ngày trả gốc lãi đầu tiên là ngày 10/03/2023, lãi suất ưu đãi 10%/năm, thời hạn ưu đãi đến hết ngày 07/02/2024. Lãi suất sau khi hết hạn ưu đãi sẽ điều chỉnh theo lãi suất thông thường theo quy định của V1 trong từng thời kỳ.

Tài sản đảm bảo cho các khoản vay nêu trên gồm:

- Quyền sử dụng đất 300m2 trên đất có 01 nhà 04 tầng có tổng diện tích sử dụng 540,2m2 tại địa chỉ: thửa đất số 7, tờ bản đồ số 112 ô số 3, lô TT7 khu biệt thự khách sạn phía T cầu B, phường B thành phố H, Quảng Ninh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CU 939396, vào sổ số CH 51054 do UBND thành phố H cấp ngày 24/09/2020 mang tên ông/bà Nguyễn Văn K1 - Đặng Thị V theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 05.02/2021/HĐBĐ/NHCT300 ngày 05/02/2021 đã được văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố H chứng nhận đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 05/02/2021 và các văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp.

- Xe ô tô 05 chỗ ngồi nhãn hiệu Ford Ranger màu nâu, sản xuất 2022, số khung RL2UMFC50NAR33596, số máy P02SRNA33596 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 14001909 do Công an thành phố C cấp ngày 03/01/2023, biển số đăng ký 14C-356.06 mang tên Nguyễn Quang K theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 10/2023/HĐBĐ/NHCT30036 ngày 12/01/2023 ký giữa Ngân hàng TMCP C - Chi nhánh Q với anh chị Nguyễn Quang K - Nguyễn Thị Thùy T1, được Trung tâm đăng ký giao dịch bảo đảm chứng nhận đăng ký ngày 07/02/2023.

Sau khi nhận nợ từ phía V1 - Chi nhánh Q, hàng tháng trước khi đến hạn 7 ngày, Ngân hàng thường xuyên nhắc nợ cho anh Nguyễn Quang K và chị Nguyễn Thị Thùy T1. Từ khi nhận tiền vay đến hết tháng 11/2023 anh K và chị T1 trả nợ

gốc lãi đến hạn đầy đủ cho Ngân hàng. Kể từ ngày 11/12/2023 anh K và chị T1 đã không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ gốc lãi cho V1 - Chi nhánh Q, toàn bộ dư nợ vay của anh K và chị T1 đã chuyển sang nợ quá hạn.

Trong suốt thời gian sau đó V1 - Chi nhánh Q đã thường xuyên đôn đốc khách hàng tìm phương án để trả nợ cho Ngân hàng nhưng cho tới nay anh Nguyễn Quang K và chị Nguyễn Thị Thùy T1 vẫn chưa trả nợ, anh K và chị T1 đã vi phạm cam kết về việc trả nợ gốc, lãi như đã cam kết trong các Hợp đồng cho vay số: 20.05/2021-HĐCV/NHCT300 ngày 24/05/2021; số 50/2021-HĐCV/NHCT30036 ngày 31/12/2021; số 246/2022-HĐCV/NHCT30036 ngày 23/12/2022; số 34/2023-HĐCV/NHCT30036 ngày 07/02/2023. Do vậy toàn bộ dư nợ gốc và lãi đã chuyển quá hạn nợ xấu.

Vì vậy Ngân hàng thương mại cổ phần C đã khởi kiện anh Nguyễn Quang K và chị Nguyễn Thị Thùy T1 đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh giải quyết các nội dung sau:

- Tuyên chấm dứt các hợp đồng cho vay: số 20.05/2021-HĐCV/NHCT300 ngày 24/05/2021; số 50/2021-HĐCV/NHCT30036 ngày 31/12/2021 giữa V1 - Chi nhánh Q với anh Nguyễn Quang K; và các Hợp đồng vay số 246/2022-HĐCV/NHCT30036 ngày 23/12/2022; số 34/2023-HĐCV/NHCT30036 ngày 07/02/2023 giữa V1 - Chi nhánh Q với anh Nguyễn Quang K và chị Nguyễn Thị Thùy T1.

- Buộc anh Nguyễn Quang K phải trả cho Ngân hàng TMCP C toàn bộ số tiền gốc còn nợ cùng số tiền lãi trong hạn, phí và số tiền lãi nợ quá hạn theo 2 Hợp đồng cho vay số: 20.05/2021-HĐCV/NHCT300 ngày 24/05/2021 và số 50/2021-HĐCV/NHCT30036 ngày 31/12/2021 tạm tính đến ngày 05/10/2024 là: 6.215.931.336 đ (sáu tỷ, hai trăm mười lăm triệu, chín trăm ba mươi một nghìn, ba trăm ba mươi sáu đồng), bao gồm nợ gốc vay: 5.634.000.000 đồng, nợ lãi vay: 562.043.885 đồng, lãi quá hạn: 19.887.451 đồng, trong đó dư nợ theo từng hợp đồng cụ thể như sau:

- + Dư nợ theo Hợp đồng cho vay số 20.05/2021-HĐCV/NHCT300 là: 2.468.177.781 đồng (bao gồm: Nợ gốc vay: 2.239.000.000 đồng, Nợ lãi vay: 224.340.872 đồng, L quá hạn: 4.836.909 đồng)

- + Dư nợ theo Hợp đồng cho vay số 50/2021-HĐCV/NHCT30036 là: 3.747.753.555 đồng (bao gồm: Nợ gốc vay: 3.395.000.000 đồng, Nợ lãi vay: 337.703.013 đồng, L quá hạn: 15.050.542 đồng).

- Buộc anh Nguyễn Quang K và chị Nguyễn Thị Thùy T1 phải trả nợ vay cho Ngân hàng TMCP C toàn bộ số tiền gốc còn nợ cùng số tiền lãi trong hạn, phí và số tiền lãi nợ quá hạn theo 2 hợp đồng cho vay số: 246/2022-HĐCV/NHCT30036 ngày 23/12/2022 và số 34/2023-HĐCV/NHCT30036 ngày 07/02/2023. Tổng số nợ tính đến ngày 05/10/2024 là: 3.495.546.115 đồng (bao gồm: Nợ gốc vay: 3.201.520.000 đồng, nợ lãi vay: 288.472.676 đồng, lãi quá hạn: 5.553.439 đồng), trong đó dư nợ theo từng hợp đồng cụ thể như sau:

- + Dư nợ theo hợp đồng cho vay số 246/2022-HĐCV/NHCT30036 là: 310.482.890 đồng (bao gồm: Nợ gốc vay: 309.550.000 đồng, Nợ lãi vay: 932.890 đồng).

- + Dư nợ theo hợp đồng cho vay số 34/2023-HĐCV/NHCT30036 là:

3.185.063.225 đồng (bao gồm: Nợ gốc vay: 2.891.970.000 đồng, Nợ lãi vay: 287.539.786 đồng, L quá hạn: 5.553.439 đồng).

- Đề nghị Tòa án buộc anh Nguyễn Quang K và chị Nguyễn Thị Thùy T1 phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh cho Ngân hàng TMCP C theo mức lãi suất nợ quá hạn đã thỏa thuận trong các Hợp đồng cho vay trên số nợ gốc thực tế cho đến khi thi hành án xong.

- Về xử lý tài sản bảo đảm, đề nghị Tòa án xét xử tuyên: Trường hợp anh Nguyễn Quang K, chị Nguyễn Thị Thùy T1 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TMCP C có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, xử lý các tài sản bảo đảm theo các hợp đồng thế chấp tài sản: Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 05.02/2021/HĐBĐ/NHCT300 ngày 05/02/2021 và các văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp kèm theo; Hợp đồng thế chấp tài sản số 10/2023/HĐBĐ/NHCT3036 ngày 12/01/2023 để thu hồi nợ theo quy định của Pháp luật.

Trường hợp số tiền thu hồi được từ xử lý các tài sản bảo đảm nêu trên không đủ trả hết các khoản nợ tại Ngân hàng thì ông Nguyễn Quang K vẫn phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất nợ quá hạn đã thỏa thuận trong các Hợp đồng cho vay trên số nợ gốc thực tế cho đến khi thanh toán xong toàn bộ các khoản vay tại Ngân hàng.

Bị đơn anh Nguyễn Quang K có bản tự khai trình bày: Anh K thừa nhận anh và vợ là Nguyễn Thị Thùy T1 có thực hiện vay vốn nhiều khoản vay ở V1 - Chi nhánh Q, trong đó anh có các khoản vay như Ngân hàng đã nêu: Nội dung hợp đồng, số tiền vay và các lần giải ngân đúng như đơn khởi kiện và bản tự khai Ngân hàng đã trình bày. Sau khi nhận nợ từ ngân hàng, do kinh tế khó khăn nên từ ngày 11/12/2023 anh đã không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi cho ngân hàng được. Đến nay Ngân hàng TMCP C có đơn khởi kiện yêu cầu anh trả nợ và xử lý tài sản đảm bảo. Anh đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Tuy nhiên, anh đề nghị phía ngân hàng tạo điều kiện kéo dài thời gian trả nợ để anh có thể thu xếp các nguồn lực tài chính hoặc bán tài sản đang thế chấp của cá nhân và gia đình để trả hết nợ Ngân hàng. Trường hợp không trả được nợ, anh đồng ý xử lý các tài sản nêu trên theo quy định của pháp luật.

Anh Nguyễn Quốc K2 (anh trai anh K) là người đại diện theo ủy quyền của anh Nguyễn Quang K, chị Nguyễn Thị Thùy T1, ông Nguyễn Văn K1, bà Đặng Thị V có quan điểm: gia đình anh đồng ý với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, nhưng hiện nay kinh tế khó khăn, anh Khải/chị T2 chưa thể trả nợ được. Do đó anh đề nghị được kéo dài thời gian trả nợ cho anh Khải/chị T2 khoảng 09 tháng, để gia đình anh chủ động xử lý tài sản trả nợ cho Ngân hàng, nhưng đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng không đồng ý.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long đã tiến hành xem xét thẩm định đối với các tài sản được thế chấp để đảm bảo khoản vay của anh K, chị T2 theo quy định.

Tại phiên Họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án nên Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long đã quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa:

Người đại diện theo ủy quyền của V1 có mặt tại phiên tòa trình bày: Tính đến ngày 23/6/2025 số tiền nợ gốc, lãi theo các Hợp đồng vay của anh K và các Hợp đồng vay của anh K - chị T2 là 10.323.176.473 đ (mười tỷ, ba trăm hai mươi ba triệu, một trăm bảy mươi sáu nghìn, bốn trăm bảy mươi ba đồng). V1 giữ nguyên toàn bộ yêu cầu khởi kiện về nợ gốc, yêu cầu xử lý tài sản thế chấp, và bổ sung yêu cầu tính lãi đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 23/6/2025), nguyên đơn yêu cầu bị đơn chịu toàn bộ án phí, chi phí theo quy định của pháp luật, cụ thể đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hà Long:

Buộc anh Nguyễn Quang K phải trả cho V1 số tiền nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 23/6/2025 là: 6.690.835.076 đồng (trong đó nợ gốc: 5.634.000.000 đồng, nợ lãi là 1.056.835.076 đồng), trong đó: Dư nợ theo Hợp đồng cho vay số 20.05/2021-HĐCV/NHCT300 là: 2.655.913.607 đồng (bao gồm: Nợ gốc vay: 2.239.000.000 đồng, Nợ lãi vay: 400.455.091 đồng, Lãi quá hạn: 16.458516 đồng); Dư nợ theo Hợp đồng cho vay số 50/2021-HĐCV/NHCT30036 là 4.034.921.469 đồng (bao gồm: Nợ gốc vay: 3.395.000.000 đồng, Nợ lãi vay: 604.745.343 đồng, L quá hạn: 35.176.126 đồng).

Buộc anh Nguyễn Quang K và chị Nguyễn Thị Thùy T1 phải liên đới trả cho Ngân hàng số tiền gốc, lãi tạm tính đến ngày 23/6/2025 là 3.632.341.397 đồng, bao gồm: Dư nợ theo Hợp đồng cho vay số 246/2022 - HĐCV/NHCT30036 ngày 23/12/2022 là 219.802.943 đồng (nợ gốc: 217.950.000 đồng, nợ lãi 1.852.943 đồng); Dư nợ theo Hợp đồng cho vay số 34/2023-HĐCV/NHCT30036 ngày 07/02/2023 là 3.412.538.454 đồng (nợ gốc là 2.891.970.000 đồng; nợ lãi vay 515.015.015 đồng, lãi quá hạn 5.553.439 đồng)

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Long tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân thủ pháp luật tố tụng: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhưng người đại diện theo ủy quyền của họ đã có đơn xin xét xử vắng mặt đảm bảo đúng thủ tục quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về pháp luật tố tụng:

1.1 Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Ngân hàng TMCP C khởi kiện buộc anh Nguyễn Quang K, chị Nguyễn Thị Thùy T1 trả nợ theo các Hợp đồng tín dụng và xử lý tài sản thế chấp, mục đích

vay hoàn thiện nhà, mua sắm vật dụng gia đình nên xác định tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn là tranh chấp về dân sự và quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”; tranh chấp phát sinh từ hoạt động của Chi nhánh Ngân hàng TMCP C có trụ sở tại thành phố H, Ngân hàng có đơn yêu cầu Tòa án nơi có trụ sở của Chi nhánh giải quyết. Do đó, căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

1.2 Về sự vắng mặt của một số đương sự trong vụ án:

Bị đơn, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng tại phiên tòa nhưng người đại diện theo ủy quyền của họ là anh Nguyễn Quốc K2 có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ theo quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt những người này.

1.3 Về việc thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện: tại phiên tòa nguyên đơn bổ sung yêu cầu tính lãi đến ngày xét xử sơ thẩm không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu nên căn cứ khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về nội dung:

2.1 Xét yêu cầu khởi kiện của V1 về việc yêu cầu bị đơn phải thanh toán toàn bộ tiền nợ gốc, nợ lãi phát sinh từ các hợp đồng tín dụng đã ký:

Về hình thức của các Hợp đồng:

Các Hợp đồng cho vay số 20.05/2021-HĐCV/NHCT300 ngày 24/05/2021; Hợp đồng cho vay số 50/2021-HĐCV/NHCT30036 ngày 31/12/2021 được ký giữa anh Nguyễn Quang K và V1 - Chi nhánh Q. Các hợp đồng cho vay số 246/2022-HĐCV/NHCT30036 ngày 23/12/2022; Hợp đồng cho vay số 34/2023-HĐCV/NHCT30036 ngày 07/02/2023 với V1 - Chi nhánh Q được ký giữa vợ chồng anh Nguyễn Quang K và chị Nguyễn Thị Thùy T1 được ký kết trên cơ sở nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, người tham gia ký kết có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, nội dung hợp đồng phù hợp với quy định của Bộ luật Dân sự 2015, Luật các tổ chức tín dụng, các quy chế, quy định của Ngân hàng N và V1. Do đó, Hợp đồng có hiệu lực pháp luật, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên.

Xét việc thực hiện hợp đồng: quá trình thực hiện hợp đồng, V1 đã thực hiện đúng nghĩa vụ của mình, giải ngân số tiền vay theo các Hợp đồng cho anh K và chị T1, cụ thể:

Ngày 24/5/2021 giải ngân số tiền 4.000.0000.000đ (bốn tỷ đồng) theo giấy nhận nợ số 01 ngày 24/5/2021; Ngày 31/12/2021 giải ngân số tiền 4.200.000.000đ (bốn tỷ hai trăm triệu đồng) theo giấy nhận nợ số 01 ngày 31/12/2021 cho anh Nguyễn Quang K. Ngày 23/12/2022 V1 - Chi nhánh Q giải ngân số tiền 4.000.000.000đ (bốn tỷ đồng); ngày 06/01/2023 giải ngân số tiền 550.000.000đ theo các giấy nhận nợ cùng ngày cho anh Nguyễn Quang K và chị Nguyễn Thị Thùy T1. Phù hợp với lời khai của anh Nguyễn Quang K tại bản tự khai xác nhận nhận đủ số tiền vay cũng như quan điểm của người đại diện theo ủy quyền tại

phiên hòa giải và đơn xin xét xử vắng mặt gửi cho Tòa án. Như vậy Ngân hàng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo thỏa thuận trong hợp đồng đã ký kết với anh K, chị T1.

Tuy nhiên sau khi được giải ngân anh K, chị T1 đã không thực hiện đúng nghĩa vụ trả tiền gốc và lãi theo đúng cam kết đã ký trong các Hợp đồng cho vay đã ký với ngân hàng: số 20.05/2021-HĐCV/NHCT300 ngày 24/05/2021; số 50/2021-HĐCV/NHCT30036 ngày 31/12/2021; Hợp đồng số 34/2023-HĐCV/NHCT30036 ngày 07/02/2023 với V1 - Chi nhánh Q và các Giấy nhận nợ kèm theo. Riêng đối với Hợp đồng cho vay số 246/2022-HĐCV/NHCT30036 ngày 23/12/2022 mặc dù tại thời điểm khởi kiện anh K, chị T1 chưa vi phạm nghĩa vụ trả nợ nhưng theo quy định tại điểm c Điều 9 Phần 2 về “Điều kiện, điều khoản chung” của Hợp đồng vay quy định “Chấm dứt cho vay và thu hồi nợ trước hạn” như sau:

“Bên cho vay được quyền tuyên bố chấm dứt cho vay và thu hồi trước hạn một phần hoặc toàn bộ tiền vay trước hạn (vào ngày do Bên cho vay ấn định và thông báo cho bên cho vay) khi phát sinh hoặc tiếp diễn một trong các sự kiện sau:

... (c) Bên vay vi phạm bất kỳ cam kết, nghĩa vụ nào được quy định trong Hợp đồng này và các văn bản, thỏa thuận, cam kết liên quan khác với bên cho vay mà không thể khắc phục được hoặc không được khắc phục trong thời hạn mà bên cho vay yêu cầu”

Về nghĩa vụ liên đới: Hợp đồng vay số 20.05/2021-HĐCV/NHCT300 ngày 24/05/2021 và Hợp đồng vay số 50/2021-HĐCV/NHCT30036 ngày 31/12/2021 do cá nhân anh Nguyễn Quang K ký kết với V1 trước thời kỳ hôn nhân, là khoản vay riêng nên anh K có nghĩa vụ trả cho V1 số tiền còn nợ. Đối với 02 Hợp đồng vay số 246/2022-HĐCV/NHCT30036 ngày 23/12/2022 và Hợp đồng vay số 34/2023-HĐCV/NHCT30036 ngày 07/02/2023 do anh K, chị T1 cùng ký trong thời kỳ hôn nhân là khoản vay chung của vợ chồng nên anh K, chị T1 có nghĩa vụ liên đới trả các khoản tiền còn nợ cho V1.

Đối với khoản tiền lãi phát sinh: trong các Hợp đồng tín dụng và Khế ước nhận nợ mà đã ký đều có thỏa thuận lãi suất của các kỳ tiếp theo được xác định theo Thông báo của Ngân hàng tại thời điểm xác định lãi suất cho vay, tuân thủ theo chính sách lãi suất của Ngân hàng tại từng thời kỳ điều chỉnh lãi suất. Căn cứ vào lãi suất áp dụng kèm theo bảng kê tính lãi mà Ngân hàng xuất trình cho Tòa án phù hợp với quy định của Luật các tổ chức tín dụng, các quy định của Ngân hàng TMCP C về lãi suất cho vay với khách hàng, các thông báo về điều chỉnh lãi suất cho vay của Ngân hàng TMCP C - Chi nhánh Q do đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn cung cấp; phù hợp với quy định tại Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng; phù hợp với Bộ luật Dân sự 2015 và Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quy định về lãi suất. Như vậy, nguyên đơn đã áp dụng, điều chỉnh lãi suất đúng như trong Hợp đồng tín dụng và các giấy nhận nợ mà các bên đã ký kết. Ngoài ra, theo quy định

tại Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao “Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm (ngày 23/6/2025) cho đến khi thi hành án xong, anh K còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quá hạn các bên thỏa thuận trong hợp đồng nhưng phải phù hợp quy định của pháp luật”.

Do đó, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP C về việc chấm dứt các Hợp đồng cho vay, buộc anh K cũng như anh K - chị T1 phải trả toàn bộ số tiền nợ gốc, lãi trong hạn, tiền lãi quá hạn theo các Hợp đồng tín dụng, phụ lục Hợp đồng và Giấy nhận nợ kèm theo, B tổng hợp tính lãi của Ngân hàng là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật được Hội đồng xét xử chấp nhận.

2.2 Xét yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của V1:

Để đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ của anh Nguyễn Quang K, chị Nguyễn Thị Thùy T1 tại V1 anh K, chị T1, ông K1, bà V, đã thế chấp các tài sản:

- Nhà 04 tầng có tổng diện tích sử dụng 540,2m² gắn liền với quyền sử dụng đất có diện tích đất 300m² tại địa chỉ: thửa đất số 7, tờ bản đồ số 112 ô số 3, lô TT7 khu biệt thự khách sạn phía T cầu B, phường B thành phố H, Quảng Ninh theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CU 939396, vào sổ số CH 51054 do UBND thành phố H cấp ngày 24/09/2020 mang tên ông/bà Nguyễn Văn K1 - Đặng Thị V. Theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 05.02/2021/HĐBĐ/NHCT300 ngày 05/02/2021 đã được văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất TP H chứng nhận đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 05/02/2021 và các văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp.

- Xe ô tô 05 chỗ ngồi nhãn hiệu Ford Ranger màu nâu, sản xuất 2022, số khung RL2UMFC50NAR33596, số máy P02SRNA33596 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 14001909 do Công an T cấp ngày 03/01/2023, B1 số đăng ký 14C-356.06 mang tên ông Nguyễn Quang K theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 10/2023/HĐBĐ/NHCT30036 ngày 12/01/2023 ký giữa Ngân hàng TMCP C - Chi nhánh Q với ông/bà Nguyễn Quang K - Nguyễn Thị Thùy T1, được Trung tâm đăng ký giao dịch bảo đảm chứng nhận đăng ký ngày 07/02/2023

Xét thấy: Các Hợp đồng thế chấp giữa Ngân hàng với ông K1, bà V, anh K, chị T1 được ký kết trên cơ sở tự nguyện các bên tham gia ký hợp đồng thế chấp tài sản đã thực hiện đúng về hình thức, trình tự, thủ tục và tuân thủ đúng quy định tại các Điều 298, 303, 317, 318, 319, 327, 500, 501 và 502 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị định số 102/2017/NĐ-CP ngày 01/09/2017 của Chính phủ về đăng ký biện pháp bảo đảm. Do đó, thỏa thuận trong Hợp đồng thế chấp tài sản trên có hiệu lực pháp luật và các bên phải thực hiện quyền và nghĩa vụ theo thỏa thuận của Hợp đồng thế chấp tài sản đã ký kết. Nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng về việc xử lý tài sản thế chấp:

[3] Về chi phí tố tụng: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, do đó bị đơn phải chịu số tiền chi phí xem xét tại chỗ theo quy định tại Điều 157 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do Ngân hàng đã tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ nên anh Nguyễn Quang K và chị Nguyễn Thị Thùy T1 phải trả cho Ngân hàng TMCP C số tiền này.

[4] Về nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải trả cho nguyên đơn. Anh K phải chịu án phí đối phần nợ riêng 6.690.835.076 đồng phải trả cho Ngân hàng là 114.690.835 đồng. Ngoài ra anh K còn phải liên đới cùng với chị Nguyễn Thị Thùy T1 chịu án phí đối phần nợ chung 3.632.341.397 đồng phải trả cho Ngân hàng là 104.646.828 đồng. Trả lại Ngân hàng thương mại cổ phần C số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định tại các Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: khoản 3 Điều 26, điểm b khoản 1 Điều 40, điểm b khoản 1 Điều 40, khoản 1 Điều 147, Điều 150, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 158, Điều 228, khoản 1 Điều 244, Điều 266, Điều 271, Điều 273 và Bộ luật Tố tụng dân sự;

Các điều 116, 280, 298, 299, 303, 317, 318, 319, 320, 357, 398, 422, 428, 463, 466, 468 và điểm b khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự; Điều 100, 103 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự;

Nghị định số 102/2017/NĐ-CP ngày 01/09/2017 của Chính phủ về đăng ký biện pháp bảo đảm; Điều 13, 23 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng; Điều 10, điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần C (V1).

1.1 Chấm dứt các hợp đồng cho vay giữa Ngân hàng TMCP C - Chi nhánh Q với anh Nguyễn Quang K, chị Nguyễn Thị Thùy T1 gồm: Hợp đồng cho vay số 20.05/2021-HĐCV/NHCT300 ngày 24/05/2021, Hợp đồng cho vay số 50/2021-HĐCV/NHCT30036 ngày 31/12/2021; 246/2022-HĐCV/NHCT30036 ngày 23/12/2022; số 34/2023-HĐCV/NHCT30036 ngày 07/02/2023.

1.2 Về nghĩa vụ trả nợ:

1.2.1 Buộc anh Nguyễn Quang K phải trả cho Ngân hàng TMCP C (V1) toàn bộ số tiền nợ gốc, lãi tạm tính đến ngày 23/6/2025 là 6.690.835.076 đồng (*sáu tỷ, sáu trăm chín mươi triệu, tám trăm ba mươi lăm nghìn, không trăm bảy mươi sáu đồng*) gồm:

+ Khoản vay theo Hợp đồng cho vay số 20.05/2021-HĐCV/NHCT300 là: 2.655.913.607 đ (hai tỷ, sáu trăm năm mươi lăm triệu, chín trăm mười ba nghìn,

sáu trăm linh bảy đồng) (Nợ gốc vay: 2.239.000.000 đồng, Nợ lãi vay: 400.455.091 đồng, Lãi quá hạn: 16.458516 đồng);

+ Khoản vay theo Hợp đồng cho vay số 50/2021-HĐCV/NHCT30036 là: 4.034.921.469 đồng (bao gồm: Nợ gốc vay: 3.395.000.000 đồng, Nợ lãi vay: 604.745.343 đồng, Lãi quá hạn: 35.176.126 đồng).

1.2.2 Buộc anh Nguyễn Quang K và chị Nguyễn Thị Thùy T1 phải liên đới trả cho Ngân hàng số tiền gốc, lãi tạm tính đến ngày 23/6/2025 là 3.632.341.397 đồng, gồm:

Khoản vay theo Hợp đồng cho vay số 246/2022 - HĐCV/NHCT30036 ngày 23/12/2022 là 219.802.943 đồng (nợ gốc: 217.950.000đồng, nợ lãi 1.852.943đồng);

Khoản vay theo Hợp đồng cho vay số 34/2023-HĐCV/NHCT30036 ngày 07/02/2023 là 3.412.538.454 đồng (nợ gốc là 2.891.970.000 đồng; nợ lãi vay 515.015.015 đồng, lãi quá hạn 5.553.439 đồng)

Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong các khoản nợ, anh Trần Quang K3 và chị Nguyễn Thị Thùy T1 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quá hạn các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi thi hành án xong nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

1.3. Về xử lý tài sản thế chấp:

Trường hợp anh Nguyễn Quang K, chị Nguyễn Thị Thùy T1 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TMCP C có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý các tài sản bảo đảm gồm:

- Nhà 04 tầng có tổng diện tích sử dụng 540,2m² trên diện tích đất 300m² tại địa chỉ: thửa đất số 7, tờ bản đồ số 112 ô số 3, lô TT7 khu biệt thự khách sạn phía T cầu B, phường B thành phố H, Quảng Ninh đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CU 939396, vào sổ số CH 51054 do UBND thành phố H cấp ngày 24/09/2020 mang tên ông/bà Nguyễn Văn K1 - Đặng Thị V. Theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 05.02/2021/HĐBĐ/NHCT300 ngày 05/02/2021 tại Văn phòng công chứng Nguyễn Nhân B2, số công chứng 508 quyền số 02/2021.TP/CC-SCC/HNGD đã được văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất TP H chứng nhận đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 05/02/2021 và các văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng thế chấp số 01 ngày 19/5/2021, số công chứng: 2841 quyền số 06/2021.TP/CC-SCC/HĐGD; số 02 ngày 31/12/2021, số công chứng: 9247 quyền số 19/2021.TP/CC-SCC/HĐGD.

- Xe ô tô 05 chỗ ngồi nhãn hiệu Ford Ranger màu nâu, sản xuất 2022, số khung RL2UMFC50NAR33596, số máy P02SRNA33596 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 14001909 do Công an thành phố C cấp ngày 03/01/2023, biển số đăng ký 14C-356.06 mang tên Nguyễn Quang K. Hợp đồng thế chấp tài sản số 10/2023/HĐBĐ/NHCT30036 ngày 12/01/2023 ký giữa Ngân hàng TMCP C - Chi nhánh Q với anh/chị Nguyễn Quang K - Nguyễn Thị Thùy T1, được Trung tâm đăng ký giao dịch bảo đảm chứng nhận đăng ký ngày 07/02/2023

Trong trường hợp số tiền thu hồi được từ việc xử lý tài sản đảm bảo không đủ trả nợ thì anh Nguyễn Quang K còn phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần C cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản tiền vay.

2. Về chi phí tố tụng: Anh Nguyễn Quang K và chị Nguyễn Thị Thùy T1 có nghĩa vụ hoàn trả cho Ngân hàng TMCP C số tiền 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) tạm ứng chi phí thẩm định tại chỗ mà Ngân hàng TMCP C đã nộp.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, ngân hàng TMCP C có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, anh Nguyễn Quang K, chị Nguyễn Thị Thùy T1 còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Anh Nguyễn Quang K có nghĩa vụ phải nộp 114.690.835 đồng (*một trăm mười bốn triệu, sáu trăm chín mươi nghìn, tám trăm ba mươi lăm đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Nguyễn Quang K và chị Nguyễn Thị Thùy T1 có nghĩa vụ liên đới nộp 104.646.828 đ (*một trăm linh bốn triệu, sáu trăm bốn mươi sáu nghìn, tám trăm hai mươi tám đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại Ngân hàng TMCP C số tiền 58.855.739 đồng (*năm mươi tám triệu, tám trăm năm mươi năm nghìn, bảy trăm ba mươi chín đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0001325 ngày 30/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

4. Về quyền kháng cáo: đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và người đại diện theo ủy quyền vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi thành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Tp. Hạ Long;
- Chi cục THADS tp.Hạ Long;
- TAND, VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- Lưu hồ sơ, VP./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đoàn Thị Thủy